TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông;
2. Ông Nguyễn Ngọc Triển;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: thôn E, xã Đ, huyện V, Vĩnh Phúc, có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: thôn T, xã T (nay là xã Đ), huyện V, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị T trình bày: chị kết hôn với anh Bùi Văn T1 ngày 05/10/2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã Đ), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị không chung sống cùng nhau. Chị ở cùng bố mẹ chị còn anh T1 ở cùng mẹ anh T1. Do vợ chồng không chung sống cùng nhau dẫn đến vợ chồng không có tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Tháng 4/2024 chị đã

làm đơn xin ly hôn anh T1, tuy nhiên chị đã rút đơn cho anh T1 cơ hội nhưng anh T1 cũng không thay đổi, mâu thuẫn trở lên trầm trọng hơn. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T1, chị xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021. Hiện nay cháu Q đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không đề nghị anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị làm nghề tự do bán hàng tại chợ Đ, thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng. Chị có nơi ở ổn định có đủ điều kiện để nuôi cháu Q. Mặc dù hiện nay chị phải nuôi cả 03 con riêng, nhưng cháu lớn đã đi làm và có thu nhập không phải bị thần kinh như anh T1 trình bày. Anh T1 đề nghị được nuôi con nhưng anh đón con về được khoảng 10 ngày lại giao trả cho chị nuôi, sau đó anh đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà, con vẫn do chị trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, hiện nay cháu còn nhỏ hay ốm đau nên chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị tự nguyện nộp toàn bộ.

Bị đơn anh T1 vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giả quyết vụ án anh trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng, do vợ chồng anh không chung sống cùng nhau từ khi kết hôn nên không có tình cảm. Nay chị T xin ly hôn anh, anh cũng xác định anh không còn tình cảm với chị T, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021. Trước đây cháu Q ở cùng chị T, hiện nay cháu Q đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q và không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Anh làm công việc lao động tự do, thu nhập bình quân một tháng là 10.000.000 đồng. Anh có nhà và có đất do các cụ để lại. Anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Q.

Anh không đồng ý để chị T nuôi con là vì chị T không có nơi ở ổn định; hiện nay chị T đang phải nuôi 03 con riêng trong đó có một cháu bị bệnh thần kinh; chị T có nhiều mối quan hệ ngoài luồng nên anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T nuôi con anh có cấp dưỡng tiền cho chị T nuôi con, cụ thể bao nhiêu anh không nhớ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T tự nguyện nộp toàn bộ, anh

đồng ý.

Biên bản xác minh ngày 28/02/2025 tại UBND xã Đ thể hiện: Chị T và anh T1 đăng ký kết hôn ngày 05/10/2022 tại UBND xã T (nay là xã Đ) trên cơ sở tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị địa phương không rõ. Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021, từ khi sinh ra thì cháu Q ở cùng chị T, gần đây anh T1 đón cháu Q về nuôi dưỡng, chị T và anh T1 đều làm nghề tự do có đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản của anh chị địa phương không rõ. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Trần Thị Tuyết . Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T1.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về án phí ly hôn sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn T1. Bị đơn anh T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã T (nay là xã Đ), huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Bùi Văn T1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T với anh Thế là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã T (nay là xã Đ), huyện V đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do anh chị không chung sống cùng nhau dẫn đến không có tình cảm. Chị T, anh T1 đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị T xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị xác nhận có 01 con chung Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021. Hiện nay đang ở cùng chị T. Xét đề nghị xin nuôi con của chị T, Hội đồng xét xử thấy: cháu Q ở cùng chị T từ khi sinh ra cho đến nay, trong thời gian anh chị đang giải quyết ly hôn anh T1 có đón cháu Q về chung sống, tuy nhiên theo chị T trình bày anh T1 đi làm xa không chăm sóc cho cháu Q nên sau khi đón cháu Q về ở cùng được khoảng 10 ngày thì giao lại con cho chị nuôi dưỡng. Anh T1 có nguyện vọng được nuôi cháu Q, tuy nhiên từ buổi hoà giải ngày 02/01/2025 cho đến các buổi làm việc tiếp theo và tại phiên toà anh T1 đều vắng mặt không có lý do. Do đó, để bảo đảm quyền lợi cho cháu Q, cần giao cháu Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu sóc là phù hợp. Chị T không đề nghị anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh chị không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Bùi Văn T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Trần Minh Q, sinh ngày 21/11/2021. Hiện nay cháu Q đang ở cùng chị T. Anh T1

không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005219 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Vĩnh Tường. Chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cụcTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Đồng, Vĩnh Tường;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền